

Số: 09/2024/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 10 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 22

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp

huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (ký kết hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập) dôi dư của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp huyện do sắp xếp đơn vị hành chính ở cấp huyện.

b) Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

c) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

2. Đối tượng không áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nghỉ công tác theo nguyện vọng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thôi giữ chức vụ, thôi việc theo quy định hoặc chấm dứt hợp đồng lao động để chuyển công tác khác.

c) Các trường hợp đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm; những người chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Ngoài được hưởng các chính sách theo quy định của Chính phủ, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này khi nghỉ công tác trong thời gian 05 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành còn được hỗ trợ một lần theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã dôi dư nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

a) Trường hợp nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Chính phủ: Hỗ trợ 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi.

b) Trường hợp thôi giữ chức vụ, thôi việc hoặc nghỉ công tác chừa đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Chính phủ; chấm dứt hợp đồng trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập được ký kết theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Hỗ trợ 12 tháng tiền lương hiện hưởng.

5. Mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố dôi dư nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

a) Mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 1/2 tiền phụ cấp hàng tháng theo quy định hiện hành của các chức danh đảm nhiệm.

b) Trường hợp người hoạt động không chuyên trách nghỉ công tác nếu số tiền hỗ trợ được nhận thấp hơn mức 1,0 lần mức lương cơ sở thì được hỗ trợ bằng 1,0 lần mức lương cơ sở.

6. Cách xác định thời gian và tiền lương để tính hưởng hỗ trợ

a) Tiền lương bình quân là tiền lương tháng bình quân của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi nghỉ công tác. Riêng đối với những trường hợp chưa đủ 05 năm (chưa đủ 60 tháng) thì tiền lương tháng bình quân của toàn bộ thời gian công tác.

b) Tiền lương hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ công tác. Tiền lương tháng được tính bao gồm: Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hoặc mức lương theo thỏa thuận của hợp đồng lao động; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, tiền lương và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương.

c) Thời gian để tính hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 5 Điều này là tổng thời gian của cả quá trình công tác từ khi đảm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách đến khi nghỉ công tác. Nếu người hoạt động không chuyên trách có khoảng thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn để tính hỗ trợ; không tính thời gian đối với những chức danh trước đây đã được hưởng trợ cấp (hoặc hỗ trợ) một lần.

d) Thời gian để tính hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều này nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Từ đủ 01 tháng đến đủ 06 tháng được tính 1/2 năm và được hưởng hỗ trợ bằng mức hỗ trợ của 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính 01 năm.

7. Thời hạn chi trả hỗ trợ từ khi cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp kinh phí

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cán bộ, công chức cấp xã: Trong vòng 30 ngày làm việc.

b) Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố: Trong vòng 45 ngày làm việc.

8. Kinh phí thực hiện

a) Đối với các cơ quan của Đảng, Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan hành chính nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và các hội được giao biên chế: Ngân sách tỉnh đảm bảo.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Căn cứ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị để xem xét việc áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này.

9. Hoàn trả kinh phí hỗ trợ

Các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này nếu được bầu cử, tuyển dụng lại hoặc ký hợp đồng vào làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trong thời gian 5 năm (60 tháng) kể từ ngày nghỉ công tác có trách nhiệm phải hoàn trả số tiền hỗ trợ đã nhận cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả hỗ trợ để nộp về ngân sách tỉnh trong thời hạn 45 ngày làm việc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Bãi bỏ Nghị quyết số 119/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố dôi dư do bố trí, sắp xếp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã; chính sách hỗ trợ đối với Trưởng Công an, Phó trưởng Công an, Công an viên thường trực dôi dư do bố trí Công an chính quy về xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024. / *AE*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư Pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Mai Văn Tuất